TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số:30/2021/QĐST-DS	Ba Đình, ngày 07 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm ,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự số 16/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D.

Địa chỉ: 109 T, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Thông- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Phương Thảo- Phó Giám đốc phụ trách phòng Giao dịch Nguyễn Cơ Thạch(GPBank Nguyễn Cơ Thạch) Theo Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGĐ ngày 16/2/2017.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Vũ Danh Tài (Theo Giấy ủy quyền số 78/2020/UQ-GĐ ngày 27/10/2020).

-Bị đơn:

Anh Trương Quang M, sinh năm 1985

Chị Hoàng Diệu L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 135 phố N, phường N, quận B, thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị P, sinh năm 1952.

HKTT tại: Số 135, phố N, phường N, quận B, thành phố H

Anh Nguyễn Hữu C, sinh 1997.

HKTT tại: Số 135, phố N, phường n, quận B, thành phố H.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1, Xác nhận số dư nợ:

Ngân hàng TM TNHH MTV D và anh Trương Quang M, chị Hoàng Diệu L xác nhận theo hợp đồng tín dụng số 0091/2017/PNCT22/HDTD ngày 29/11/2017 và hợp đồng tín dụng số 0019/2018/PNCT22/HDTD ngày 09/02/2018 giữa Ngân hàng TM TNHH MTV D với anh Trương Quang M và chị Hoàng Diệu L thì tính đến ngày 29/4/2021, dư nợ của anh M, chị L tại Ngân hàng với tổng số tiền là: 253.084.839 đồng.

Cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0091/2017/PNCT22/HDTD ngày 29/11/2017:

Tổng dư nợ là 112.304.208 đồng, (trong đó nợ gốc: 112.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 104.208 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 0019/2018/PNCT22/HDTD ngày 09/02/2018:

Tổng dư nợ là 140.780.631 đồng (trong đó nợ gốc: 140.650.000 đồng, lãi trong hạn là 130.631 đồng).

2, Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Anh Trương Quang M và chị Hoàng Diệu L thống nhất với Ngân hàng trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên trong thời hạn 07 tháng, chia làm 07 kỳ, bắt đầu tính từ 25/05/2021 và kết thúc vào ngày 30/11/2021, cụ thể như sau:

Kỳ 1: Chậm nhất vào ngày 25/05/2021, anh M và chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)*;

Kỳ 2: Chậm nhất vào ngày 25/06/2021, anh M và chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng);*

Kỳ 3: Chậm nhất vào ngày 25/07/2021, anh M và chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng);*

Kỳ 4: Chậm nhất vào ngày 25/08/2021, anh M và chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng);*

Kỳ 5: Chậm nhất vào ngày 25/09/2021, anh M và chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng);*

Kỳ 6: Chậm nhất vào ngày 25/10/2021, anh M và chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng);*

Kỳ 7: Chậm nhất vào ngày 30/11/2021, anh M và chị L phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi còn lại.

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, nếu anh M và chị L vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên (về thời gian và số tiền) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 39-3, số tờ bản đồ 7G-III-01, tại địa chỉ: Số 135 tổ 47 cụm 7, làng Ngọc Khánh, phường.Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK715278, số vào sổ cấp GCN: CH001142/1559.QĐUB.2012 do UBND quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội cấp ngày 14/06/2012 đứng tên bà Phạm Thị P (Giấy chứng nhận này được tách ra từ GCN số 10101171121 đã được cấp theo Quyết định số

5476/QĐ-UB ngày 12/10/2000 của UBND thành phố Hà Nội). (Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng 4772.2017/HĐTC; Quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 0612.2018/SĐ BS/HĐTC quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/02/2018 tại Văn phòng Công chứng Thanh Xuân).

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bà Phạm Thị P, nếu thiếu thì anh Trương Quang M và chị Hoàng Diệu L tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền thiếu.

3, Trong khoảng thời gian anh M, chị L chưa thanh toán hết cho Ngân hàng TM TNHH MTV D toàn bộ khoản nợ thì bà P cùng gia đình cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi Ngân hàng thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

4, Về án phí: Anh Trương Quang M và chị Hoàng Diệu L cùng liên đới tự nguyện chịu 6.327.121 đồng án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TM TNHH một thành viên D không phải chịu án phí, Ngân hàng được nhận lại 17.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001269 ngày 12/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Kể từ ngày 30/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, anh Trương Quang M và chị Hoàng Diệu L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 0091/2017/PNCT22/HDTD ngày 29/11/2017 và hợp đồng tín dụng số 0019/2018/PNCT22/HDTD ngày 09/02/2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA quận Ba Đình ;*
- *Lưu hồ sơ.*

Thẩm phán

(Đã ký)